

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/HC-ST**

Ngày: 22 - 5 - 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hà Quế Phương
Ông Nguyễn Tất Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 62/2018/TLST-HC ngày 01 tháng 6 năm 2018 về: “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2020/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2020/QĐST-HC ngày 19 tháng 3 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 62/TB-TA ngày 10 tháng 4 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 111/TB-TA ngày 24 tháng 4 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 152/2020/QĐST-HC ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Anh **Trần Bảo T**, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Chị **Đặng Thanh T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Bà **Lê Thị Phương D** – Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông **Nguyễn Hoàng D** – Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.**

Địa chỉ: Xã E, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Đặng Quốc V** – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân huyện N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân huyện N.

Địa chỉ: Xã E, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(anh T, chị T, ông D, bà D có mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, ông Vũ, Ủy ban nhân dân huyện N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xử phạt Ông T hành vi vi phạm hành chính “Tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (Xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị). Vị trí xây dựng tại thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 44, xã F, huyện N, tỉnh Đồng Nai”. Theo quyết định trên thì Ông T bị phạt 25.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo căn cứ tại điểm b khoản 5, điểm b khoản 12 Điều 15 Nghị Định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017, là không đúng quy định pháp luật bởi lẽ:

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ông Võ Tấn Đ ban hành quyết định số 1886 là không đúng thẩm quyền. Theo Luật xử lý vi phạm chính năm 2012 và Điều 70 Nghị Định số: 139/2017/NĐ-CP quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm chính thì Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện không có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm chính trong trường hợp này.

Quyết định xử phạt vi phạm chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 căn cứ trên biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC lập vào ngày 28 tháng 3 năm 2018, tuy nhiên trên thực tế Ông T không nhận được biên bản này. Có 02 biên bản vi phạm chính cho một hành vi là biên bản số 01/BB-

VPHC ngày 30 tháng 01 năm 2018 và biên bản số 02/BB-VPHC ngày 28 tháng 3 năm 2018. Theo khoản 3 Điều 6 Nghị Định số: 81/2013/NĐ-CP thì một hành vi vi phạm chính chỉ bị lập biên bản và ra Quyết định xử phạt 1 lần.

Biên bản vi phạm hành chính không tuân thủ về mặt nội dung và hình thức. Theo quy định Khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì “... Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản”. Nhưng biên bản số 01/BB-VPHC chỉ có chữ ký của người lập biên bản là ông Tạ Tổ A và không ghi lý do những người khác không ký vào biên bản. Biên bản số 01/BB-VPHC không có ghi biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử lý, tình trạng tang vật, phương tiện bị giam giữ, lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm theo như quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Đồng thời, công chức Địa chính - Xây dựng ông Tạ Tổ A công tác tại Ủy ban nhân dân xã F có xuống cưỡng chế tịch thu 15 bao xi măng của ông Trần Bảo T nhưng trong biên bản không có nội dung này.

Đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo quy định Khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC lập ngày 30 tháng 01 năm 2018 nhưng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ban hành ngày 03 tháng 4 năm 2018.

Thời hạn gửi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra Quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt... Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua Bưu Điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết”. Tuy nhiên, đến ngày 07 tháng 5 năm 2018 thì ông Trần Bảo T mới nhận được Quyết định xử phạt.

Căn cứ pháp lý xử phạt không đúng: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 thì căn cứ xử phạt là điểm b Khoản 5 Điều 15 nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 (phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị). Ông Trần Bảo T san lấp mặt bằng tại thửa số 174, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại xã F, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Thửa đất này có mục đích sử dụng đất là đất ở tại nông thôn, nếu xây nhà thì đây không phải là nhà ở riêng lẻ tại đô thị.

Không có hành vi vi phạm xảy ra: Ông Trần Bảo T chỉ san lấp mặt bằng vì đất thấp hơn đường 1 mét, dẫn tới tình trạng ngập úng, sụt lún, trôi đất, cỏ mọc trong khi chờ xin cấp giấy phép xây dựng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thì Ông T căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số: 3067/TĐG-CT ngày 21 tháng 10 năm 2019 để yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng cộng là: 15 bao xi măng bị tịch thu là 1.237.500 đồng; 7209 viên gạch ống bị hư 50% là 4.235.400 đồng; 324 viên gạch “Gạch 1” bị hư 50% là 17.820.000 đồng; 44 viên gạch “Gạch 2” bị hư 50% là 3.300.000 đồng; 214 viên gạch “Gạch 3” bị hư 50% là 7.490.000 đồng; 255 viên gạch “Gạch 4” bị hư 50% là 14.025.000 đồng; 04 bồn cầu bị hư 1.050.000 đồng/cái là 4.200.000 đồng; 01 lavabo bị hư 50% là 600.000 đồng; 05 khung cửa bị rỉ sét là 300.000 đồng; 02 tấm đá Granit giá 1.100.000 đồng bị hư 50% là 1.100.000 đồng; 07 tấm đá Granit giá 900.000 đồng bị hư 50% là 3.150.000 đồng; 02 cửa đi giá 800.000 đồng/cái bị hư là 160.000 đồng; 10 cửa sổ giá 650.000 đồng/cái bị hư 10% là 650.000 đồng; 32 xà gồ bị rỉ sét hư hỏng là 896.000 đồng; 02 cái ghế 1 bị hư là 80.000 đồng; 08 cái ghế 2 bị hư là 400.000 đồng. Tổng cộng là 59.733.900 đồng; Tiền thuê nhà là 138.666.000 đồng; Chi phí đi khởi kiện là 18.000.000 đồng. Tổng các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại là 216.399.900 đồng (hai trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi chín ngàn chín trăm đồng).

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã F phát hiện hành vi hành chính trong hoạt động xây dựng của ông Trần Bảo T tại ấp 1, xã F, huyện N, tỉnh Đồng Nai, đã được ông Tạ Tổ A là công chức Địa chính - Xây dựng xã Phước Khánh lập biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC (có chữ ký của người lập biên bản, người làm chứng và ký, đóng dấu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã F). Sau đó Ủy ban nhân dân xã F nhận thấy hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Bảo T toàn thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N nên đã chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để xử phạt theo quy định. Qua xem xét các căn cứ quy định Pháp luật, các tài liệu có trong hồ sơ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số: 1866/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018, xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Bảo T là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật, vì:

Hành vi vi phạm hành chính của ông Trần Bảo T là có cơ sở pháp lý để xử phạt (đã xác định được hành vi vi phạm hành chính của người vi phạm ông Trần Bảo T), theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ.

Ông Trần Bảo T cho rằng công trình xây dựng của ông thuộc “Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn tại khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn” nên theo quy định tại Điều 3 Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, trường hợp của ông thuộc công trình được miễn giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, theo quy định thì toàn huyện Nhơn Trạch đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch phát triển đô thị, do đó khi cá nhân, tổ chức thi công công trình (nhà ở riêng lẻ) phải có giấy phép xây dựng. Do ông Trần Bảo T thi công công trình (nhà ở riêng lẻ) mà không có giấy phép xây dựng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số: 1886/QĐ-XVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Bảo T là đúng quy định của Pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính số 01-VPHC ngày 30 tháng 01 năm 2018 do ông Trần Bảo T cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai là không có cơ sở pháp lý, vì khi lập biên bản vi phạm hành chính mà trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản vi phạm thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc thay người chứng kiến, quy định tại khoản 3 Điều 2, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Trong trường hợp này, biên bản xử lý vi phạm hành chính số 01-VPHC ngày 30 tháng 01 năm 2018 không có chữ ký của Ông T, chữ ký của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã F, chữ ký của hai người làm chứng là không có giá trị pháp lý.

Về việc khởi kiện bổ sung yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại do việc ban hành Quyết định số: 1886/QĐ-XVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 trái pháp luật, cụ thể yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại tổng số tiền 216.393.900 đồng (vật liệu xây dựng các loại là 59.733.900 đồng, tiền thuê nhà là 138.666.000 đồng, chi phí khởi kiện 18.000.000 đồng). Qua xem xét, Ủy ban nhân dân huyện N thấy việc Ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại như trên là không có cơ sở.

Từ những lý do trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Quyết định số: 1886/QĐ-XVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Bảo T và không chấp nhận đơn kiện bổ sung của ông Trần Bảo T.

Tại phiên tòa:

- *Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Trần Bảo T:*

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N là trái quy định pháp luật vì: Công trình xây dựng trên thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 44, xã F, huyện N của ông Trần Bảo T là công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ ở nông thôn nên thuộc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm k Khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 và khoản 10 Điều 3 Quyết định số: 50/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N do ban hành trái quy định pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N liên đới bồi thường cho ông Trần Bảo T số tiền là 198.399.900 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật xử lý vi phạm Hành chính.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 130 Luật tố tụng hành chính. Đối với người bị kiện chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 83, Điều 93, Điều 128 Luật tố tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành vi phạm về trình tự, thủ tục tại Điều 81, Điều 82 Luật xử lý vi phạm Hành chính. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, Ủy ban nhân dân huyện N không có lỗi dẫn đến thiệt hại của ông Trần Bảo T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 584, 585 Bộ Luật Dân sự 2015, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo T hủy Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, bác yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Bảo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 12 tháng 5 năm 2018, ông Trần Bảo T nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. Quyết định hành chính trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Thời điểm Ông T nộp đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về người tham gia tố tụng: Do ông Trần Bảo T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Căn cứ quy định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, người bị kiện được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và Ủy ban nhân dân huyện N là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về người tham gia phiên tòa: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[4] Về diễn biến hành chính: Ngày 28 tháng 3 năm 2018, công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân xã F phát hiện hành vi hành chính trong hoạt động xây dựng của ông Trần Bảo T tại thửa đất số 174, tờ bản đồ địa chính số 44, xã F, huyện N, tỉnh Đồng Nai, nên đã lập biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC có chữ ký của người lập biên bản, người làm chứng và ký, đóng dấu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã F.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC đối với ông Trần Bảo T với mức phạt tiền là 25.000.000 đồng, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trong thời hạn 60 ngày.

Ngày 12 tháng 5 năm 2018, Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC do cho rằng Quyết định hành chính trên được ban hành trái pháp luật. Ngày 30 tháng 10 năm 2018 và ngày 07 tháng 11 năm 2019, Ông T nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm: Vật liệu xây dựng các loại là 59.733.900 đồng, tiền thuê nhà là 138.666.000 đồng, chi phí khởi kiện 18.000.000 đồng, tổng cộng là 216.393.900 đồng.

[5] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[5.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục, thời hạn ban hành:

Do hành vi vi phạm pháp luật ghi nhận tại biên bản vi phạm hành chính được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ có mức xử phạt từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Quyết định xử phạt hành chính số: 1886/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 do Phó chủ tịch Võ Tấn Đ ký ban hành căn cứ trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 28 tháng 3 năm 2018 là đúng thẩm quyền, vì ông Võ Tấn Đ được ủy quyền thường xuyên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (BL39).

Theo khoản 3 Điều 6 Nghị Định số: 81/2013/NĐ-CP thì một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản và ra Quyết định xử phạt một lần. Tuy nhiên, ngày 30 tháng 01 năm 2018, ông Tạ Tổ A Công chức Địa chính xã Phước Khánh lập biên bản vi phạm hành chính biên bản số 01/BB-VPHC nhưng không tiến hành các thủ tục xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đến ngày 28 tháng 3 năm 2018, ông Tạ Tổ A Công chức Địa chính xã F tiếp tục lập biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC là vi phạm về trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính.

Về biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 28 tháng 3 năm 2018 được Công chức Địa chính xã F là người có thẩm quyền lập biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017. Tuy nhiên, biên bản này không tuân thủ về mặt hình thức: Không có ghi biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử lý, tình trạng tang vật, phương tiện bị giam giữ, lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm theo như quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tại biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã F xác định thu giữ 15 bao xi măng công Thanh còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không có quyết định kèm theo biên bản tạm giữ. Thời hạn tạm giữ theo quy định tối đa không quá 30 ngày nhưng tính đến nay đã hơn 02 năm vẫn chưa xử lý tang vật phương tiện nêu trên là vi phạm các điều 81, 82 Luật xử lý vi phạm Hành chính. Tại tờ trình số: 49/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã F, là cơ sở đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng không đề xuất nội dung trên. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định xử phạt hành chính số: 1886/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 nhưng không có nội dung xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là vi phạm Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 125, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính và không đúng mẫu quyết định số 02 ban hành kèm theo Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

[5.2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các lời khai, người khởi kiện cho rằng ông Trần Bảo T san lấp mặt bằng tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại xã F, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do thửa đất này có mục đích sử dụng

là đất ở tại nông thôn, nếu xây nhà thì đây không phải là nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Ông Trần Bảo T chỉ san lấp mặt bằng vì đất thấp hơn đường 1 mét, dẫn tới tình trạng ngập úng, sụt lún, trôi đất, cỏ mọc trong khi chờ xin cấp giấy phép xây dựng. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 10 năm 2019 (bút lục 85-86), hiện trạng trên đất có móng bê tông, tường gạch, cột bê tông cốt thép. Như vậy, có thể xác định việc ông Trần Bảo T xây dựng công trình là nhà ở không phải san lấp mặt bằng.

Thủ tướng chính phủ xác định xây dựng huyện Nhơn Trạch thành đô thị mới trong tương lai tại các Quyết định số: 323/TTg ngày 17 tháng 5 năm 1996, Quyết định số: 284/TTg ngày 21 tháng 12 năm 2006, Quyết định số: 455/TTg ngày 22 tháng 3 năm 2016. Tại Điều 3 Luật quy hoạch đô thị số: 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 quy định: “Đô thị mới là đô thị dự kiến hình thành trong tương lai theo quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, được đầu tư, xây dựng từng bước đạt các tiêu chí của đô thị theo quy định của pháp luật...”

Tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số: 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về lập, thẩm định phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng xác định huyện Nhơn Trạch là đô thị mới. Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số: 30/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, trường hợp xây dựng nhà của Ông T không thuộc công trình được miễn giấy phép xây dựng.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại phòng Quản lý đô thị huyện Nhơn Trạch xác định: Vị trí khu đất ông Trần Bảo T xây dựng có chức năng quy hoạch là đất cơ sở hạ tầng, không phù hợp quy hoạch cho việc cấp phép xây dựng nhà ở chính thức. Căn cứ Quyết định số: 50/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trường hợp của ông Trần Bảo T tại thời điểm vi phạm đủ điều kiện cấp phép xây dựng tạm có thời hạn theo quy định, tuy nhiên tại thời điểm trước khi xây dựng ông Trần Bảo T không lập hồ sơ xin phép xây dựng. Nên theo nội dung Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện N, có biện pháp khắc phục hậu quả là yêu cầu ông Trần Bảo T phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng, thời gian thực hiện 60 ngày theo Điểm b, Khoản 12, Điều 15 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Tuy nhiên, khi có Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện N đến nay ông Trần Bảo T không làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

Hiện nay, căn cứ theo Quyết định số: 32/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trường hợp của ông Trần Bảo T không đủ điều kiện cấp phép xây dựng tạm có thời hạn theo quy định. Xét thấy, việc ông Trần Bảo T xây dựng nhà nhưng không xin cấp phép xây dựng nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1886/QĐ-XPVPHC là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của người khởi kiện ông Trần Bảo T yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm: Vật liệu xây dựng các loại là 59.733.900 đồng, tiền thuê nhà là 138.666.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Ông Trần Bảo T xây dựng công trình nhà ở nhưng không xin giấy phép xây dựng là vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 12 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ. Sau khi bị tạm ngưng việc xây dựng, Ông T cũng không chấp hành việc đi xin phép xây dựng nên việc ông cho rằng phải đi thuê nhà ở hàng tháng là việc của cá nhân Ông T. Đối với vật tư xây dựng trong thời gian ngưng thi công là tài sản của ông, ông phải tự bảo quản để tránh hư hỏng, mất cắp. Tuy nhiên, ông bỏ mặc tài sản của mình hư hỏng nên việc này không do lỗi của cơ quan Nhà nước ban hành quyết định.

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí tố tụng khởi kiện vụ án hành chính là 18.000.000 đồng, theo quy định của Luật bồi thường Nhà nước không giải quyết đối với yêu cầu này. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Bảo T, hủy Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, do vi phạm về trình tự thủ tục ban hành. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Bảo T.

[6] Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Ông Trần Bảo T phải chịu số tiền là 8.550.000 đồng. Ông T đã nộp xong.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện hủy quyết định hành chính của Ông T được chấp nhận nên ông Trần Bảo T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Trần Bảo T phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là $198.393.900 \text{ đồng} \times 5\% = 9.920.000 \text{ đồng}$. Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Trần Bảo T phù hợp với một phần của nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính,

Áp dụng các điều 57, 58, 68, 81, 82, 225, 226 Luật xử lý vi phạm hành chính; các điều 584, 585 Bộ Luật Dân sự 2015; điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản quản lý nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Nghị định số: 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo T về việc khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Hủy Quyết định số: 1886/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, do vi phạm về trình tự thủ tục ban hành. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng là 198.393.900 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Bảo T về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường chi phí khởi kiện 18.000.000 đồng.

4. Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Trần Bảo T phải chịu án phí yêu cầu bồi thường không được chấp nhận là 9.920.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại

biên lai thu số 001406 ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, Ông T còn phải nộp án phí hành chính sơ thẩm với số tiền 9.620.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Bảo T phải chịu số tiền là 8.550.000 đồng. Ông T đã nộp xong.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh phong